

Quảng Ngãi, tháng 04 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Kính gửi:
	Số :
	Ngày : 15/11/2026
	Chuyển:.....
Lưu hồ sơ số:.....	

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NGÃI

CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH AVT Kon Tum công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **CÔNG TY TNHH AVT KON TUM**

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 6101291282 đăng ký lần đầu do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 26 tháng 10 năm 2022.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi

4. Địa chỉ hòm thư điện tử

5. Số điện thoại: 0979320238 Website: <https://avtkontum.com>

6. Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng**

7. Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Thôn Kon Mơ Nay Kơ Tu 2, xã Đăk Rơ Wa, tỉnh Quảng Ngãi

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm

STT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; ASTM C188; C204
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187; C191
II	CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
4	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích, độ hút nước	TCVN 7572-4:2006

6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
7	Xác định khối lượng thể tích xốp, độ hồng	TCVN 7572-6:2006
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
9	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572- 8:2006
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
11	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
12	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
13	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
14	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
15	Xác định hàm lượng mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
18	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91 AASH T176
19	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883-99 AASH T191
III	CƠ LÝ VỮA HỖN HỢP VÀ HỖN HỢP VỮA XÂY DỰNG	
20	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003; EN1051-1-99
21	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437:07
22	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
23	Xác định khả năng giữ nước của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
24	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003; ASTM C807:08
25	Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003; EN1015-1:99
26	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2003; ASTM C109-11b; EN445:07; 1015-11:99
27	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
IV	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
28	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C145; AASHTO T119
29	Khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138
30	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:1993; ASTM C232
31	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1979
32	Xác định khối lượng riêng của bê tông nặng	TCVN 3112:1993; ASTM C642
33	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C642
34	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:1993; ASTM C642
35	Xác định độ thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993

36	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:1993; ASTM C39; C42; AASHTO T22; T140
37	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; ASTM C293; C78
38	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:1993; ASTM C496
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
39	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ; ASSTM D854-00; AASHTO T100:10
40	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASSTM D2216-10
41	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASSTM D2216-00; AASHTO T89:10; T90:08
42	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; D1140:00; D42:02; AASHTO T88:10; T27:11
43	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080:01; AASHTO T236:96
44	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông của đất phòng thí nghiệm	TCVN 4200: 2012; ASTM D2435; D3877; D4546:01; AASHTO T216:96; BS1377:05
45	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790-20
46	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
47	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm (California Bearing Ratio)	22TCN 332:2006; ASTM D1883; AASHTO T193:10
48	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166:01
49	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:06
50	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
51	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2012
VI	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
52	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370; JIS Z2241:98
53	Thử uốn kim loại	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z2248:96
54	Kiểm tra chất lượng mối hàn – thử uốn	TCVN 5401:1991
55	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
56	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
57	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995; ASTM A370
58	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN6287:1997
59	Kiểm tra chất lượng ống thép – thử nén bẹp	TCVN1830:08; ASTM A370:11
60	Kiểm tra chất lượng bề mặt, kích thước mối nối bằng ống ren. Thử kéo tĩnh mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009

VII	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG	
61	- Xác định độ kim lún ở 25°C.	TCVN 7495:2005; ASTM D5:97
62	- Xác định độ kéo dài ở 25°C.	TCVN 7496:2005; ASTM D113:99
63	- Xác định nhiệt độ hoá mềm (phương pháp vòng và bi).	TCVN 7497:2005; ASTM D36:00
64	- Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005; ASTM D92:02b
65	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; ASTM D6:00
66	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05
67	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:05; ASTM D70:03
68	Xác định hàm lượng Parafin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05
69	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
VIII	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG VÀ NHỰA TƯƠNG NGỰA ĐƯỜNG AXIT	
70	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
71	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011; ASTM D95
72	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011; ASTM D402
73	Độ đàn hồi, độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN319:04; ASTM D6084
74	Xác định độ nhớt Saybolt Furl	TCVN 8817-2:2011; ASTM D2444; AASHTOT59
75	Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ trong 5 ngày và 24h	TCVN 8817-3:2011; ASTM D6933; AASHTOT59
76	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011; ASTM D6933; AASHTOT59
77	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:2011; ASTM D6933; AASHTOT59
78	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011; ASTM D6933
79	Xác định hàm lượng hạt lớn hơn 1,4mm	TCVN 8817-7:2011
80	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
81	Xác định hàm lượng dầu	TCVN 8817-9:2011
82	Xác định hàm lượng nhựa	TCVN 8817-10:2011
83	Xác khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011; ASTM D6933:04; AASHTO T59:01
84	Xác định bám dính tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
IX	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
85	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559; D6927
86	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-3:11
87	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
88	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; ASTM D2041

89	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
90	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
91	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
92	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
93	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
94	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
95	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
96	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
X	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng trong BTN	
97	Xác định: Hình dáng bề ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước; Hàm lượng chất hoà tan trong nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58: 1984
XI	Thí nghiệm hiện trường	
98	Đo dung trọng độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	TCVN 12791:2020
99	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; 22 TCVN 346:2006
100	Xác định mô đun đàn hồi "E" của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTOT256:01
101	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950; E1082
102	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96
103	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu cân do vòng Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-96
104	Xác định tải trọng tĩnh của đất tại hiện trường	TCVN 9354:2012
105	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
106	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM D4429-92
107	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12
108	Cọc- Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393: 2012
109	Xác định cường độ kéo nhỏ bê tông, khả năng bám dính của thép, bulong với bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900; ASTM E1512
110	Cống bê tông cốt thép thoát nước, Kiểm tra: Khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ vuông góc; Khả năng chịu tải và độ thấm nước	TCVN 9113 : 2012 TCVN 9116 : 2012
XII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của Gạch xây	

111	Xác định độ bền nén của gạch xây	TCVN 6355-1: 2009
112	Xác định cường độ uốn cầu gạch xây	TCVN 6355-2: 2009
113	Xác định độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-3: 2009
114	Xác định khối lượng riêng của gạch xây	TCVN 6355-4: 2009
115	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5: 2009
116	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009
117	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7: 2009
XII	Lĩnh vực thử nghiệm gạch Bloc bê tông	
118	Xác định: Kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Cường độ bền nén; Độ mài mòn bề mặt; độ rỗng; độ hút nước	TCVN 6477: 2016
XIV	Thử nghiệm gạch bê tông tự chèn	
119	Xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ chịu mài mòn	TCVN 6476:2011
XV	Phép thử gạch Terazo	
120	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ uốn; Độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 7744:2013
XVI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý Bentonite	
121	Xác định: Khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; lượng mất nước; Tính ổn định; Độ Ph; Tỷ lệ chất keo; Độ dày áo sét; lực cắt tĩnh.	TCVN 11893:2017 ASTM D4381; D4380
XVII	Thử nghiệm gạch xi măng lát nền/ Gạch Granito	
122	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ mài mòn; Độ hút nước; Độ chịu lực va đập xung kích; Tải trọng uốn gãy toàn viên; Độ cứng bề mặt	TCVN 6065:1995 TCVN 6074:1995
XVIII	Thử nghiệm sản phẩm bê tông bọt khí không chưng và chưng áp	
123	Xác định: kích thước; Độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt, Khối lượng thể tích khô, Cường độ nén; Độ co khô	TCVN 9030:2017
XIX	Phép thử hóa nước cho xây dựng	
124	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
125	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88
126	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011
127	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996
128	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186:1996
129	Xác định hàm lượng ion sunfat	TCVN 6200:1996

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.